

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2023/DS-ST
Ngày 22-5-2023
“V/v tranh chấp về hợp đồng
dân sự vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thị Gấm

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Mộng Lành và ông Phạm Đức Hoài

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Minh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 196/2022/TLST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2023/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1976 (Có mặt)

Anh Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1976; (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã N T A, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hoàng D, sinh năm 1973 (Có mặt)

Chị Nguyễn Cẩm L, sinh năm 1975; (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp N, xã Đ T, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị T anh Nguyễn Ngọc B trình bày yêu cầu như sau:

Vào ngày 19/4/2019 âm lịch thì vợ chồng anh D, chị L có hỏi vay của vợ chồng chị T, anh B số vàng 60 (sáu mươi) chỉ vàng 24 kr, lãi suất theo thỏa thuận là 30.000.000đ/năm, lúc vay có làm biên nhận nợ, hứa 03 năm trả dứt nợ, sau đó thì vợ chồng anh D không đóng lãi cho vợ chồng chị.

Ngày 19/01/2020 thì gia đình anh D và chị L có nhờ vợ chồng chị T, anh B tiếp tục hỏi vay số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), sau khi vay không đóng lãi, cũng không trả nợ cho vợ chồng chị.

Vào tháng 9/2022 thì vợ chồng chị L có trả cho vợ chồng chị T, anh B 10 (Mười) chỉ vàng 24 kr và còn nợ lại số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu), vợ chồng chị T, anh B bớt cho vợ chồng chị L số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Trong quá trình Tòa án án giải quyết vụ án vào ngày 16/12/2022 thì vợ chồng chị L có tiếp tục trả cho vợ chồng chị được 10 (Mười chỉ vàng 24 kr.

Tại phiên tòa vợ chồng chị T và anh B yêu cầu vợ chồng anh D, chị L trả số tiền còn nợ là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) và 40 (Bốn mươi) chỉ vàng 24kr, trong thời hạn 01 tháng.

Ngoài ra không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Hoàng D chị Nguyễn Cẩm L có ý kiến:

Vợ chồng anh D, chị L xác định trước đây có hỏi vay vợ chồng chị T, anh B số vàng 60 (Sáu mươi) chỉ vàng 24kr và số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng). Sau khi vay trả được 20 (Hai mươi) chỉ vàng 24kr và số tiền 10.000.000đ.

Hiện nay vợ chồng anh D, chị L thừa nhận còn nợ lại vợ chồng chị T, anh B số vàng là 40 (bốn mươi) chỉ vàng 24 kr và số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), hiện nay hoàn cảnh quá khó khăn xin được trả dần trong vòng 02 năm là dứt nợ, cụ thể như sau:

- Lần 01: Vào ngày 25/4/2023 âm lịch trả 10 (Mười) chỉ vàng 24kr loại vàng 9999;
- Lần 02: Vào ngày 25/12/2023 âm lịch trả 10 (Mười) chỉ vàng 24 kr loại vàng 9999;
- Lần 03: Vào ngày 25/4/2024 âm lịch trả 10 (Mười) chỉ vàng 24kr, loại vàng 9999;
- Lần 04 : Vào ngày 25/12/2024 âm lịch trả 10 (Mười) chỉ vàng 24kr, loại vàng 9999 và 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

Ngoài ra bị đơn không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Tại Tòa án vợ chồng anh D, chị L và vợ chồng chị T, anh B giữa nguyên ý kiến như đã trình bày.

Qua yêu cầu khởi kiện và ý kiến của các đương sự đã thống nhất và không thống nhất với nhau.

Phần các đương sự thống nhất: Các bên đương sự thống nhất là chị anh D, chị L còn nợ anh B, chị T số vàng 40 (bốn mươi) chỉ vàng 24 kr và số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

Phần các đương sự không thống nhất: Chị T, anh B yêu cầu vợ chồng anh D, chị L trả 01 lần toàn bộ số nợ là 40 (bốn mươi) chỉ vàng 24 kr và số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) trong hạn 01 tháng. Vợ chồng anh D, chị L yêu cầu được trả nợ trong hạn 02 năm là dứt nợ.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Về tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thiên ký phiên tòa, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Không có kiến nghị về phần thủ tục tố tụng.

Về nội Dng: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc chị bị đơn trả số vàng 40 (bốn mươi) chỉ vàng 24 kr và số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ kiện: Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân huyện An Biên theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Quan hệ pháp luật tranh chấp: Vợ chồng chị T, anh B khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh D, chị L trả số tiền vay nên quan hệ pháp luật được xác định trong vụ án là “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản”.

[3] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Hoàng D vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh D.

[4] Về nội Dng vụ án: Ghi nhận sự thống nhất xác nhận còn nợ giữa các đương sự là vợ chồng chị anh D, chị L còn nợ vợ chồng anh B, chị T số vàng 40 (bốn mươi) chỉ vàng 24 kr, loại vàng 9999 và số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu

đồng), do các bên tự nguyện thỏa thuận không trái quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Tuy nhiên, về thời hạn trả nợ các đương sự có yêu cầu ý kiến khác nhau nên kh ông có căn cứ để xem xét công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Về thời hạn trả nợ thì khi bản án có hiệu lực thì các bên căn cứ vào bản án để thực hiện yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

Từ các nhận định nêu trên, HĐXX thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn vợ chồng chị anh D, chị L có nghĩa vụ trả cho vợ chồng anh B, chị T số vàng 40 (bốn mươi) chỉ vàng 24 kr, loại vàng 9999 và số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

Về ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát huyện An Biên tại phiên tòa là có cơ sở nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về án phí của vụ án: $\{(40 \text{ chỉ vàng} \times 5.500.000\text{đ}/01 \text{ chỉ vàng } 24\text{kr}) + 30.000.000\text{đ}\} \times 5\% = 12.500.000\text{đ}$ (Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng). Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải nộp án phí theo quy định pháp luật. Tuy nhiên do bị đơn có đơn xin giảm án phí do gặp thiên tai gây mất mùa có xác nhận của ủy ban nhân dân cấp xã nên Hội đồng xét xử thống nhất xét giảm $\frac{1}{2}$ tiền án phí cho bị đơn, như vậy bị đơn phải nộp tiền án phí là 6.250.000đ (Sáu triệu hai trăm năm mươi năm nghìn đồng).

Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân năm 2015;

Áp dụng các Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Ngọc B.

Buộc anh Nguyễn Hoàng D và chị Nguyễn Cẩm L có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Ngọc B số vàng 40 (Bốn mươi) chỉ vàng 24 kr, loại vàng 9999 và số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

2. Về án phí vụ kiện:

Buộc anh Nguyễn Hoàng D và chị Nguyễn Cẩm L phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là án phí là 6.250.000đ (Sáu triệu hai trăm năm mươi năm nghìn đồng).

Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Ngọc B được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 7.625.000đ (Bảy triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003748 ngày 22/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

3. Quyền kháng cáo: Án xử công khai, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với anh D vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án (V).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Thị Gấm